

CHIẾN LƯỢC NGOẠI GIAO KINH TẾ VÀ VIỆC ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG QUỐC

TS. TRẦN THỌ QUANG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nội dung cấu thành nên quan hệ chính trị kinh tế quốc tế ngày càng có xu hướng đa nguyên hóa, mục tiêu lợi ích quốc gia được thiết lập cũng theo đó trở nên đa nguyên hóa. Những mục tiêu chính sách đối ngoại như chính trị, kinh tế, an ninh, văn hóa, ý thức hình thái, môi trường... được thực hiện thông qua ngoại giao, đồng thời bản thân những nhân tố này cũng được vận dụng như công cụ để thực hiện chính sách ngoại giao. Trong quá trình này, nội hàm của ngoại giao được mở rộng hơn nữa. Công năng của ngoại giao cũng có sự thay đổi, từ ngoại giao chính trị, ngoại giao an ninh trong truyền thống phát triển theo hướng ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân... Trong giao lưu quốc tế ngày nay, lợi ích kinh tế đã trở thành bộ phận chủ yếu nhất cấu thành nên lợi ích quốc gia. Mối liên hệ và giao lưu kinh tế đã ngày càng trở thành mối liên hệ và giao lưu chủ yếu giữa các quốc gia, do đó ngoại giao kinh tế ngày càng nhận được sự quan

tâm của các quốc gia. Trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, công tác ngoại giao kinh tế ngày càng chiếm địa vị trọng yếu. Làm thế nào để phát huy tốt hơn nữa tác dụng của ngoại giao kinh tế trong việc đảm bảo an ninh chính trị, cũng là một nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao kinh tế Trung Quốc.

1. Nhận thức lý luận về ngoại giao kinh tế

Một là, toàn cầu hóa kinh tế và sự phụ thuộc qua lại của kinh tế thế giới là yếu tố cần thiết khiến cho ngoại giao kinh tế được coi trọng

Ngay từ gần 170 năm trước Các Mác và Ăng-ghen đã nhìn thấy xu thế phát triển của cộng đồng quốc tế, trở thành một chỉnh thể thống nhất, có mối liên hệ hữu cơ với nhau. “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” chỉ ra rằng: “Do giai cấp tư sản khai thác thị trường thế giới, khiến cho sản xuất và tiêu dùng ở mọi quốc gia đều mang tính thế giới.”, “trạng thái tự cung tự cấp và khép kín của các địa phương và dân tộc trong quá khứ sẽ bị thay thế bởi quan hệ qua lại và phụ thuộc lẫn

nhau giữa các dân tộc trên các phương diện. Sản xuất vật chất sẽ như vậy, sản xuất tinh thần cũng sẽ như vậy"⁽¹⁾. Mặc và Ăng-ghe-n chỉ rõ ra rằng, chủ nghĩa tư bản có nhu cầu phá vỡ mọi giới hạn giữa địa phương, dân tộc và quốc gia. Quy nạp sản xuất và tiêu dùng ở mọi quốc gia vào một thị trường thế giới thống nhất, từ đó thúc tiến sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước trên thế giới.

Kinh tế thế giới phát triển thần tốc, đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học công nghệ mang tính đột phá đã mở rộng hệ thống quan hệ quốc tế ra toàn nhân loại, mang đến cho nó tính chất toàn cầu. Phát triển mới nhất của toàn cầu hóa kinh tế thế giới đã dẫn tạo nên thời đại phụ thuộc lẫn nhau. Một cuộc cạnh tranh tổng lực quốc gia với trong tâm công nghệ cao đã được phát động trên phạm vi toàn cầu, địa vị của nhân tố quân sự trong quan hệ quốc tế ngày càng bị hạ thấp. Mặt khác, nó lại thúc đẩy khiến cho cạnh tranh kinh tế, công nghệ trở nên quyết liệt hơn. Ngày càng nhiều xung đột quốc tế được nổ ra xung quanh tiêu điểm mới này. Sự mạnh lên không ngừng của quan hệ lệ thuộc tương hỗ và nội dung phức tạp chồng chéo trong đó đã trở thành hiện tượng chủ đạo của quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh lạnh. Để tạo nên môi trường phát triển kinh tế cho nước mình và môi trường quốc tế hòa bình, các nước trên thế giới đã điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại với biên độ lớn, đặc biệt là chính sách ngoại giao, khiến cho quan hệ quốc tế tiến lên theo phương hướng hòa bình và hợp tác. Tăng cường sự phụ thuộc, tương hỗ về mặt kinh tế của các nước thúc đẩy quan hệ quốc tế đi theo hướng phụ thuộc toàn diện. Một hậu quả khác của phát triển

toàn cầu hóa kinh tế thế giới là, trong điều kiện phụ thuộc lẫn nhau, công cụ chính trị và chiến tranh đã chịu những hạn chế nhất định, hành vi đối ngoại của quốc gia chịu chế ước nhất định. Ngày càng có nhiều hơn lợi ích quốc gia được thực hiện thông qua công cụ kinh tế, chính trị quốc tế chuyển dịch từ chính trị cấp cao xuống chính trị cấp thấp, nó có ý nghĩa trọng đại đối với cả hòa bình cũng như phát triển. Tất cả những điều này đã mở rộng ra không gian triển khai ngoại giao kinh tế.

Thứ hai, vai trò chính trị của nền thương mại quốc tế

Thương mại quốc tế là quá trình trao đổi hàng hóa và sức lao động giữa các nước và khu vực trên thế giới. Thương mại quốc tế phát triển lớn mạnh cùng với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời thương mại quốc tế có công năng chính trị quốc tế, có thể thúc tiến sự ổn định trong quan hệ chính trị quốc tế. Một số học giả khi nghiên cứu tác dụng của thương mại quốc tế đối với chính trị, đã sử dụng luận chứng về tính tương quan giữa thương mại và truyền thống, tức nếu kim-ngạch thương mại giữa hai quốc gia gia tăng bội số, số lượng tình hành vi đối địch giữa hai bên sẽ giảm khoảng 15 đến 20%, do đó *thương mại quốc tế là công cụ quan trọng để thúc tiến hòa bình quốc tế*. Có thể sử dụng chính sách thương mại để thúc tiến cải thiện quan hệ chính trị ở những chừng mực nhất định. Rất nhiều quốc gia đã thông qua việc áp dụng đãi ngộ thương mại đối với những quốc gia khác nhau để phối hợp và thúc tiến quan hệ chính trị giữa các nước với nhau.

Phương hướng xây dựng nền thương mại quốc tế hòa bình đã được nhiều nước đề xuất, cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, điển hình là công nghệ thông tin, nguồn gốc của quyền lợi đã có sự thay đổi trọng yếu, *đất đai và sức lao động đã không còn là nhân tố mang tính quyết định sự gia tăng giàu có*, thương mại và đầu tư đã trở thành phương pháp có lợi hơn bất cứ sự chinh phục lãnh thổ nào. Do đó, một quốc gia vận dụng công cụ kinh tế để tiến hành cưỡng chế hoặc can thiệp vào nội bộ của một quốc gia khác, ở góc độ nào đó đạt hiệu quả lớn. Can thiệp thương mại chủ yếu có 3 phương thức sau: (1) Trong vấn đề thương mại với một quốc gia khác, có kèm theo những hạn chế mang tính bắt buộc không liên quan đến thương mại; (2) tiến hành uy hiếp hoặc trừng phạt thương mại đơn phương; (3) cơ quan lập pháp có quyền lập pháp bên ngoài lãnh thổ, can dự vào thương mại của nước khác. Trong thương mại quốc tế, quốc gia vẫn giữ vai trò hành vi chủ yếu trong thị trường. Nhìn từ biểu hiện, trong thương mại quốc tế, dù là hành vi thương mại của tổ chức độc quyền lớn hay của doanh nghiệp vừa và nhỏ, nó đều mang tính chất tư nhân, nhưng quốc gia có thể thông qua chế độ chính sách nhất định kết nạp những hành vi tư nhân này vào quỹ đạo của mình, phục vụ cho lợi ích chiến lược của mình, phục tùng cho lợi ích quốc gia.

Ba là, chính trị hóa quan hệ kinh tế quốc tế

Trong tình hình cục diện chính trị thế giới thời gian gần đây, về cơ bản tương đối ổn định và sự tăng cường không ngừng mức độ phụ thuộc, tương hỗ của kinh tế các nước,

việc có thực hiện được lợi ích kinh tế hay không và mức độ thực hiện tới đâu, ở một chừng mực nhất định sẽ quyết định việc thực hiện được lợi ích chính trị hay không và mức độ thực hiện của nó. Trung Quốc cho rằng, trong quan hệ quốc tế hiện nay đã hình thành ngày một rõ ràng xu thế dung hợp lẫn nhau giữa kinh tế và chính trị, chính trị hóa kinh tế thế giới và kinh tế hóa chính trị thế giới.

Nhìn lại lịch sử, bắt đầu từ thập niên 70 thế kỷ XX đến nay, trong cục diện chiến tranh lạnh, cùng với sự hòa hoãn của quan hệ Đông Tây, vị trí của lợi ích kinh tế trong lợi ích quốc gia ngày càng được nâng cao. Quan hệ kinh tế quốc tế trở thành nội dung trọng yếu của quan hệ quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại, hoạt động ngoại giao kinh tế giữa các nước và sự điều tiết của tổ chức, chế độ kinh tế quốc tế ngày càng dày đặc. Quan hệ kinh tế quốc tế không chỉ trở thành công cụ hữu hiệu để thực hiện mục tiêu chính trị quốc tế, mà còn mang công năng chính trị quốc tế rõ rệt. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, khối lượng lớn các sự kiện lịch sử đã cho thấy, quan hệ kinh tế quốc tế với tư cách là hành vi công cụ hữu hiệu để thực hiện mục tiêu chính trị quốc tế có sự gia tăng rõ rệt. Quan hệ kinh tế quốc tế với tư cách là công cụ để thực hiện mục tiêu chính trị, là sản phẩm của sự ảnh hưởng tương hỗ giữa quan hệ kinh tế quốc tế và quan hệ chính trị quốc tế. Trong sự ảnh hưởng tương hỗ này, quan hệ kinh tế quốc tế quyết định sự phát triển của quan hệ chính trị quốc tế, còn quan hệ chính trị quốc tế lại có thể gây ảnh hưởng ngược lên quan hệ kinh tế quốc tế. Quan hệ kinh tế quốc tế với tư cách là công cụ để thực hiện mục tiêu chính trị quốc tế, trên thực chất là phục vụ cho chính trị quốc tế

dưới chính sự ảnh hưởng của chính trị quốc tế. Kể từ khi hình thành quan hệ kinh tế quốc tế và quan hệ chính trị quốc tế trong quan hệ quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế đã luôn tồn tại với tư cách là công cụ phục vụ cho mục tiêu chính trị.

Lợi ích quốc gia là vấn đề quan trọng nhất trong chính trị quốc tế, mà lợi ích quốc gia lại có mối liên hệ trực tiếp với bản chất của chính sách ngoại giao. Giữa ngoại giao và lợi ích quốc gia tồn tại một mối liên hệ vô cùng chặt chẽ. Ở một tầng ý nghĩa nhất định, bản chất của chính sách ngoại giao chính là hướng ra bên ngoài để theo đuổi lợi ích phù hợp với đất nước mình, ngoại giao kinh tế cũng không phải ngoại lệ. Ngoại giao kinh tế là một phân nhánh trong nội Bộ Ngoại giao, nhưng loại ngoại giao này mang một đặc điểm cá tính là tinh kinh tế. Nó là một trong những chính sách công cụ và hành vi trực tiếp nhất, quyền lực nhất, hiệu quả nhanh nhất được quốc gia áp dụng để theo đuổi lợi ích của bản thân mình, coi việc phục vụ cho lợi ích quốc gia là tôn chỉ, duy trì bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia, theo đuổi lợi ích kinh tế quốc gia, phục vụ cho lợi ích chính trị quốc gia.

Bốn là, ngoại giao kinh tế được dẫn nhập vào an ninh chính trị quốc gia

Khi xã hội loài người vẫn tồn tại dưới hình thức coi quốc gia dân tộc là pháp nhân quốc gia, theo đuổi tối đa hóa lợi ích quốc gia vẫn luôn là điểm khởi đầu và điểm kết thúc của quan hệ quốc tế. Quốc gia, với tư cách là thể tập hợp có tổ chức nhất của xã hội loài người, có nhu cầu lợi ích phong phú đa dạng, xét từ mặt nội dung, có thể chia thành lợi ích chính trị, lợi ích kinh tế, lợi ích văn hóa, mà chỉ khi tính an toàn của quốc

gia được thỏa mãn ở mức độ nhất định, các lợi ích quốc gia dưới mọi hình thức mới được thực hiện. Tính an toàn là tiền đề và nền tảng để thực hiện lợi ích quốc gia. An ninh là lợi ích căn bản của một quốc gia. Sự tồn tại bình thường và hữu hiệu của một quốc gia là tiền đề quan trọng nhất để thực hiện mọi lợi ích khác, cũng là mục tiêu giá trị tối cao của an ninh quốc gia. Thông thường, ba bộ phận chủ yếu nhất, cơ bản nhất cấu thành nên an ninh quốc gia là an ninh chính trị, an ninh quân sự và an ninh kinh tế. Trong đó an ninh chính trị là biểu tượng cốt lõi nhất, căn bản nhất của an ninh quốc gia. Đối với mọi quốc gia, chính quyền và chủ quyền quốc gia là cơ sở để quốc gia tồn tại, ổn định chính trị và độc lập chủ quyền mà mục tiêu căn bản mà bất cứ quốc gia nào ở bất cứ thời đại nào đều theo đuổi.

Toàn cầu hóa kinh tế ngày càng thúc đẩy nền kinh tế thế giới trở thành một chỉnh thể thống nhất, phụ thuộc tương hỗ. Khai triển chính sách thương mại quốc gia bằng cách vận dụng công cụ ngoại giao kinh tế đã và sẽ làm thay đổi quan hệ chính trị quốc tế. Giữa thương mại quốc tế và chính trị quốc tế đã hình thành trạng thái tác dụng tương hỗ, tùy thuộc lẫn nhau. Khi nền kinh tế các nước phụ thuộc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ phân công quốc tế và lợi ích thương mại, sự chia rẽ và mâu thuẫn về chính trị giữa họ sẽ được hòa hoãn, thúc đẩy quan hệ chính trị quốc tế trở nên ổn định, để duy trì an ninh chính trị của các nước.

2. Tác dụng của ngoại giao kinh tế đối với việc bảo đảm an ninh chính trị của Trung Quốc

Lợi ích chính trị quốc gia là yếu tố căn bản để lập quốc. Trong tác phẩm "Nguồn

gốc của gia đình, chế độ tư hữu và quốc gia”, Ăng-ghe-nh đã chỉ ra: “Các giai cấp có xung đột lợi ích kinh tế, để xã hội và chính bản thân mình không bị tiêu diệt trong chiến tranh, “cần thiết phải có một lực lượng điều khiển xã hội về mặt biểu diện, lực lượng này sẽ hòa hoãn xung đột, duy trì xung đột trong phạm vi “có trật tự”; lực lượng sinh ra từ trong xã hội, lại cao hơn xã hội đồng thời từng bước thoát li khỏi xã hội này, chính là quốc gia”. Sự ra đời và tính chất của quốc gia đã như vậy, thế thì, chính quyền một quốc gia tất nhiên phải duy trì bảo vệ lợi ích an ninh chính trị quốc gia căn cứ theo lợi ích của giai cấp thống trị. Trong tác phẩm “Thuyết hưng suy quốc gia”, học giả Hoàng Thạch Phong đã chỉ ra: “Lợi ích an ninh là lợi ích hàng đầu của một quốc gia có chủ quyền. Bởi chỉ khi quốc gia tồn tại và ổn định mới có thể kiến thiết và phát triển”⁽²⁾. Đặng Tiểu Bình cũng đã chỉ ra: “Chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia phải luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, chúng tôi hiểu rõ điều này hơn bao giờ hết”⁽³⁾. Vậy thì ngoại giao kinh tế với tư cách là một bộ phận của ngoại giao tất nhiên phải trở thành công cụ trọng yếu để bộ máy nhà nước thực hiện lợi ích quốc gia, sử dụng nó vào việc duy trì mở rộng và phát triển an ninh chính trị quốc gia.

Thông qua ngoại giao kinh tế để tăng cường củng cố chính quyền

Từ khi loài người bước vào xã hội phân chia giai cấp, bất cứ giai cấp thống trị nào đều vô cùng rõ ràng về tính trọng yếu của chính quyền quốc gia. Họ coi chính quyền quốc gia như tính mạng của mình, dùng nó để củng cố thống trị chính trị của mình, duy trì nền tảng kinh tế mà họ dựa vào đó để tồn tại sinh sống. Lê-nin từng nói: “Mọi vấn đề

căn bản của cách mạng đều là vấn đề chính quyền quốc gia, nếu không hiểu rõ được điểm này, thì không thể bàn đến tự giác tham gia cách mạng, càng không thể nói đến lãnh đạo cách mạng”. Năm 1949, nước Trung Quốc mới vừa được giải phóng, nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân, những người giành được địa vị thống trị, đó là làm thế nào để củng cố nhà nước mới ra đời, để bảo vệ thành quả thắng lợi cách mạng. Suy cho cùng, sự ổn định của chính quyền có ý nghĩa hiện thực đối với an ninh của nước Trung Quốc mới. Không có nó, sẽ không thể đảm bảo thành quả cách mạng, kinh tế quốc dân sẽ không thể hồi phục. An ninh chính quyền được quyết định bởi hai nhân tố dưới đây: *Thứ nhất*, về đối nội, nó có đại diện cho lợi ích của nhân dân và được đại đa số nhân dân chấp nhận hay không, có một cơ sở thống nhất ở trong nước hay không; *Thứ hai*, về đối ngoại, năng lực chống đỡ ngoại lực của nó mạnh hay yếu, có thể duy trì bảo vệ lợi ích của quốc gia và dân tộc ở mức độ lớn nhất hay không. Nhìn lại lịch sử, cuộc cách mạng chủ nghĩa dân tộc mới với đại diện là Đảng Cộng sản Trung Quốc hiển nhiên đại diện cho lợi ích của dân tộc hoặc nhân dân, cũng nhận được sự bao bọc của quảng đại quần chúng nhân dân, cơ sở thống trị trong nước không có vấn đề gì. Về vấn đề đối ngoại, bảo vệ an ninh chính quyền quốc gia, Trung Quốc đã thi thành chiến lược ngoại giao “nhất biên đảo”, liên minh với Liên Xô. Trong quá trình qua lại với Liên Xô, Trung Quốc đã vận dụng ngoại giao kinh tế một cách thành công, giúp kinh tế quốc nội giành được chỉ viện từ nước ngoài, đồng thời tạo nên một môi trường quốc tế tương đối hòa bình, ổn định, có lợi cho việc phát triển kinh

tế trong nước, bảo toàn thành quả thắng lợi cách mạng, củng cố an ninh chính quyền quốc gia.

Trong một thời kỳ dài, Trung Quốc nằm trong thời kỳ phong kiến, nửa thực dân, hậu quả chiến tranh và nội chiến lâu dài khiến cho nước Trung Quốc ở thời kỳ đầu có năng lực tổng hợp quốc gia vô cùng yếu ớt, sự phát triển kinh tế xã hội, đời sống nhân dân của nó cùng với sự tăng cường quốc lực và bảo vệ an ninh quốc gia đều phải dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của nước lớn. Nước Trung Quốc khi đó có hai con đường để lựa chọn, hoặc là xin trợ giúp từ Mỹ cùng các đồng minh phương Tây, hoặc là nhờ viện trợ của Liên Xô cùng các nước ở mặt trận chủ nghĩa xã hội, nhưng rất khó để lựa chọn chính sách trung lập giữa hai mặt trận lớn có đối kháng căng thẳng, gay gắt như vậy. Vậy là nước Trung Quốc mới, xuất phát từ hiện trạng cục diện thế giới và yêu cầu lợi ích quốc gia cơ bản khi đó, đã đưa ra quyết sách chiến lược “nhất biên đảo”, tức lựa chọn Liên Xô và đối kháng với Mỹ. Chiến lược này giúp cho Trung Quốc liên kết được đồng minh trong hoàn cảnh bị mặt trận phương Tây do Mỹ đứng đầu đối địch, giành được viện trợ, sống qua được những ngày tháng gian khổ nhất khi vừa mới ra đời. Nó có ý nghĩa cực kỳ lớn lao đối với nước Trung Quốc mới.

Hơn nữa, chính sách đó phá vỡ chính sách cô lập chính trị và uy hiếp quân sự đối với Trung Quốc của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ đứng đầu, củng cố an ninh của chính quyền Trung Quốc mới, tạo ra môi trường quốc tế cởi mở một phần cho Trung Quốc; thứ hai, nó giúp cho nước Trung Quốc mới giành được những điều kiện vật chất cần thiết để khôi phục và phát triển kinh tế quốc

dân. Vào những năm 1950 khi đặt nền móng cho công nghiệp Trung Quốc, Trung Quốc đã dẫn nhập nhân tài công nghệ, thiết bị sản xuất và vốn từ Liên Xô, Đông Âu, ngoài ra còn tích cực khai triển hợp tác khoa học công nghệ. Mao Trạch Đông đã chỉ ra: “Thi hành chuyên quyền chủ nghĩa nhân dân và đoàn kết với bạn bè quốc tế là hai điều kiện cơ bản để củng cố thắng lợi cách mạng. Thời kỳ đầu của nước Trung Quốc mới, trong hợp tác giữa Liên Xô với Trung Quốc, Trung Quốc đã giành được vốn, công nghệ, nhân tài, kiến thức quản lý và các nguyên liệu, thiết bị sản xuất cần thiết, điều này có tác dụng quan trọng đối với Trung Quốc trong việc khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân, còn hợp tác giữa Trung Quốc với Liên Xô cũng rất hiệu quả trong việc củng cố an ninh của chính quyền Trung Quốc mới”⁽⁴⁾.

Thông qua ngoại giao kinh tế để duy trì bảo vệ độc lập chủ quyền

Độc lập chủ quyền quốc gia là yếu tố đầu tiên của an ninh chính trị, là cốt lõi của an ninh chính trị. Chủ quyền là quyền lực tối cao của một quốc gia độc lập trong việc tự chủ xử lý các sự vụ trong và ngoài nước, là đặc trưng quan trọng nhất và thuộc tính căn bản nhất của quốc gia, dân tộc. Về phương diện đối nội, chủ quyền quốc gia biểu hiện là quyền thống trị tối cao và quyền quản lý đối với mọi sự vụ bên trong lãnh thổ quốc gia của quốc gia có chủ quyền. Về phương diện đối ngoại, trong quan hệ quốc tế, một quốc gia có chủ quyền sở hữu quyền độc lập, quyền bình đẳng và quyền tự vệ. Cùng với cuộc cách mạng khoa học công nghệ và sự phát triển của toàn cầu hóa, quan niệm về chủ quyền quốc gia truyền thống vấp phải sự xung kích, nghi ngờ không ngừng nghỉ.

Trong thực tiễn, phạm vi hành sử chủ quyền quốc gia, tính độc lập trong đối ngoại và tính quyền uy trong đối nội đang xảy ra chuyển biến, nhượng độ và thay đổi. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, tranh chấp xung quanh chủ quyền quốc tế có quan hệ mật thiết đối với an ninh chính trị của Trung Quốc, sự lẫn lộn giữa độc lập dân tộc, và ly khai dân tộc đã tạo điều kiện cho các hoạt động chia rẽ của các phần tử đòi độc lập cho Đài Loan, Tây Tạng, Tân Cương. Những diễn biến đặc biệt diễn biến phức tạp trong thời gian gần đây, khiến cho nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ càng trở nên khó khăn.

Đứng trước vô số vấn đề an ninh, chủ quyền, Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng hàng loạt biện pháp, phương châm, chính sách để ứng phó với thách thức, trong đó ngoại giao kinh tế được coi như một công cụ có tác dụng và uy lực to lớn. Chuyên gia Mỹ về các vấn đề Trung Quốc Berger cho rằng, nhìn lại tiến trình lịch sử, trong phần lớn thời gian của thập niên 80 thế kỷ XX, Chính phủ Trung Quốc đã tách rời giữa thương nghiệp và chính trị, chính trị Trung Quốc dần dần học được cách sử dụng địa vị thương mại của mình làm đòn bẩy, giành được lợi ích chính trị trong những tranh chấp chính trị quốc tế, ngày càng mong muốn để nhân tố chính trị ảnh hưởng đến quyết định thương mại, đầu tư. Về vấn đề Đài Loan, vào năm 1991, Chính phủ Pháp đã quyết định bán cho Đài Loan 6 chiếc tàu chiến Lafayette với trị giá 2.7 tỷ đô la Mỹ. Năm 1992, Pháp lại đề xuất đang cân nhắc bán cho Đài Loan máy bay tiêm kích Mirage 2000 với tính năng tiên tiến. Nhằm ngăn chặn Pháp bán Mirage 2000 cho Đài Loan, phía Trung Quốc đã lập tức áp dụng một loạt biện pháp. Đầu tiên, đề

xuất giao thiệp hạn chế với Pháp, đề xuất vấn đề này có tính chất nghiêm trọng, biểu thị phía Trung Quốc kiên quyết không chịu nhượng. Đồng thời Chính phủ Pháp tuyên bố: Gỡ bỏ một phần dự thảo hợp tác cỡ lớn giữa Trung Quốc và Pháp, như tàu điện ngầm Quảng Châu, kỳ thứ 2 của công trình nhà máy điện hạt nhân vịnh Đại Á, hợp đồng mua bán tiểu mạch với Pháp...; không tiếp tục đàm phán mới với Pháp về dự thảo hợp tác kinh tế thương mại lớn; không chế các cuộc gặp gỡ qua lại giữa quan chức hai nước cấp Thứ trưởng trở lên; lập tức đóng cửa Lãnh sự quán Pháp tại Quảng Châu. Cuối năm 1993, thủ tướng Đức Kohl đã dẫn đầu đoàn doanh nghiệp Đức tới thăm Trung Quốc, cùng Trung Quốc ký kết hợp đồng trị giá 16 tỷ Franc. Dự án tàu điện ngầm Quảng Châu mà công ty Alstom của Pháp kỳ vọng đã lâu bị người Đức nắm tay trên. Theo tính toán của Ủy ban Pháp - Trung, chỉ trong năm 1993, Pháp đã đánh mất số hợp đồng với tổng giá trị 6 tỷ Franc tại Trung Quốc, điều này khiến giới doanh nghiệp Pháp vô cùng bất mãn với Chính phủ, yêu cầu Chính phủ điều chỉnh chính sách. Đầu năm 1994, trong thời gian tổng thống Pháp tới thăm Trung Quốc, Chính phủ hai nước đã ký kết Tuyên bố chung, qua đó Chính phủ Pháp thừa nhận, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, Đài Loan là một phần lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc. Chính phủ Pháp còn bảo đảm rõ ràng, không cung cấp vũ khí cho Đài Loan, cũng không cho phép doanh nghiệp Pháp bán vũ khí cho Đài Loan. Hai phía ký kết văn bản đặc biệt về việc Pháp sẽ không bán vũ khí cho Đài Loan nữa, để tạo nền tảng ổn định cho sự phát

triển quan hệ đối tác toàn diện giữa Pháp và Trung Quốc. Đó là minh chứng sống động về mối quan hệ lợi ích ràng buộc chặt chẽ giữa kinh tế và chính trị.

Ngoại giao kinh tế phối hợp với đấu tranh nhân quyền

Nhân quyền là một trong những vấn đề trọng đại được toàn bộ cộng đồng quốc tế quan tâm, nhất là các nước phương Tây. Nhân quyền trở thành vấn đề của nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế. Do mức độ phát triển kinh tế, chế độ xã hội, truyền thống văn hóa lịch sử và địa vị quốc tế của các nước trên thế giới tồn tại khác biệt to lớn, nên chủ trương và tiêu chuẩn đánh giá nhân quyền cũng không tương đồng với nhau. Nhân quyền không chỉ là vấn đề đạo đức và pháp luật liên quan tới hưởng thụ và bảo đảm quyền lợi, hơn nữa, nó còn là một vấn đề chính trị kinh tế và xã hội phức tạp. Nhân quyền dùng để chỉ những quyền lợi mà bản thân con người mang thuộc tính tự phát và xã hội sở hữu và đáng được sở hữu, là quyền lợi không thể thiếu được của con người khi tồn tại và phát triển trong đời sống xã hội. Trong cộng đồng quốc tế, giữa những loại hình quốc gia khác nhau, tồn tại chia rẽ, mâu thuẫn, đấu tranh xung quanh vấn đề nhân quyền, nó không chỉ tồn tại trong quan niệm hay ý thức hình thái, mà ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia, gây nên ảnh hưởng to lớn đối với quan hệ quốc tế cũng như luật pháp quốc tế. Vấn đề nhân quyền ngày càng trở thành một vấn đề không thể né tránh trong quan hệ quốc tế.

Ngoại giao nhân quyền là đặc điểm mới trong chính trị quốc tế đương đại. Ngoại giao nhân quyền là một công cụ, mục tiêu hàng đầu trong chính sách đối ngoại của bất cứ quốc gia nào đều là giành lấy và duy trì lợi ích quốc gia, chứ không phải là nhân quyền.

Thực chất ngoại giao nhân quyền là việc thông qua đấu tranh nhân quyền thúc tiến thực hiện lợi ích quốc gia. Khi việc thực thi ngoại giao nhân quyền và lợi ích quốc gia nhất trí với nhau, nó sẽ có lợi cho thúc tiến thực hiện lợi ích quốc gia, địa vị của ngoại giao nhân quyền trong chính trị quốc gia sẽ được nâng cao, còn ngược lại, nếu nó xung đột với lợi ích quốc gia, sẽ khiến cho địa vị của nó xuống dốc.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc đến nay, các nước phương Tây dốc sức khai triển ngoại giao nhân quyền, tuyên truyền thuyết chủ quyền hữu hạn truyền thống, hay nhân quyền cao hơn chủ quyền... dưới danh nghĩa thúc đẩy dân chủ và bảo vệ nhân quyền, phê bình các nước đang phát triển lạm dụng chủ quyền, không tôn trọng nhân quyền. Các nước phát triển còn viện lý do yêu cầu các nước tham gia vào tổ chức kinh tế quốc tế phải chấp nhận quy phạm kinh tế quốc tế, buộc các nước đang phát triển phải tiến hành cải cách kinh tế, cải cách chính trị theo tiêu chuẩn của các nước phát triển. Sau những biến cố chính trị những năm 1989-1991, công kích của phương Tây về vấn đề dân chủ của Trung Quốc ngày càng nhiều lên, từ chế độ quản lý trại giam, chế độ xuất bản báo chí, chế độ kế hoạch hóa dân số, ứng xử đối với lực lượng chống đối, tới chính sách tự trị dân tộc ở Tây Tạng, Tân Cương... đều bị chỉ trích. Trong các hoạt động diễn ra thường niên như Đại hội nhân quyền thế giới, Liên minh nhân quyền quốc tế, Hội liên hiệp nhân quyền quốc tế, Ủy ban an xá quốc tế, ủy ban phi Chính phủ Liên hợp quốc... một số người đã đem vấn đề nhân quyền của Trung Quốc làm nghị đề thảo luận quan trọng. Đặc biệt là Mỹ đã nhiều lần đề xuất các dự luật nhằm vào Trung Quốc trong Hội

ngộ nhân quyền của Liên hợp quốc. Từ năm 1990 tới nay, tại Hội nghị nhân quyền Liên hợp quốc, Mỹ đã liên tục đề xuất dự luật chống Trung Quốc, nhằm vào vấn đề nhân quyền của Trung Quốc.

Trong đấu tranh nhân quyền giữa Trung Quốc và các nước phương Tây, quảng đại các nước châu Phi đã dành sự ủng hộ cho Trung Quốc. Từ năm 1990 đến nay, sở dĩ Trung Quốc có thể thành công liên tục trong việc chống lại các dự luật nhân quyền của phương Tây cho Mỹ đứng đầu là nhờ vào sự giúp đỡ của các nước châu Phi. Sự giúp đỡ này không thể tách rời với viện trợ của Trung Quốc dành cho châu Phi kể từ khi nước Trung Quốc mới được thành lập đến nay, điều đó cũng có nghĩa là, kể từ khi nước Trung Quốc mới được thành lập, ngoại giao kinh tế của Trung Quốc với các nước châu Phi đã phát huy uy lực của nó. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, lãnh đạo Trung Quốc đã coi đại lục châu Phi là vũ đài quan trọng để thực thi chính sách với thế giới thứ ba, cùng lãnh đạo các nước châu Phi xây dựng mối thân tình sâu sắc, tạo nền móng cho sự phát triển quan hệ hữu nghị Trung - Phi. Trung Quốc bắt đầu viện trợ cho châu Phi kể từ nửa sau của thập niên 1950. Trung Quốc luôn cho rằng vận mệnh của thế giới thứ ba gắn chặt với vận mệnh của Trung Quốc, cho rằng viện trợ vô tư dành cho thế giới thứ ba là nghĩa vụ quốc tế của Trung Quốc. Do đó, ngay cả khi Trung Quốc ở trong tình trạng kinh tế khó khăn, vẫn viện trợ kinh tế, vật chất không hoàn lại cho nhiều nước châu Phi, ủng hộ và giúp đỡ các nước châu Phi phát triển kinh tế dân tộc, từ đó tranh thủ củng cố độc lập về mặt chính

trị. Vào giữa thập niên 1960, loạt hàng mục viện trợ đầu tiên dành cho châu Phi đã nhanh chóng được thiết lập và giành được hiệu ích kinh tế, qua đó chứng minh rằng viện trợ của Trung Quốc dành cho châu Phi là chân thành, vô tư, không chỉ giúp Trung Quốc kiên định niềm tự tin về quan hệ hợp tác hữu nghị với nước nhận viện trợ, hơn nữa còn gia tăng sự hiểu biết của các nước châu Phi về nước Trung Quốc mới, thúc tiến phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc với các nước châu Phi. Từ năm 1956 đến năm 1977, Trung Quốc đã viện trợ kinh tế với tổng giá trị 2,4 tỉ đô la Mỹ cho các nước châu Phi, tương đương với 50% tổng kim ngạch viện trợ nước ngoài của Trung Quốc dành cho các nước phi Đảng Cộng sản. Bắt đầu từ thập niên 1980, viện trợ đối ngoại của Trung Quốc càng coi trọng củng cố thành quả đã đạt được, chú trọng tới hiệu ích. Trong suốt thập niên 1980, Trung Quốc đã cam kết viện trợ 1.477 tỉ đô la Mỹ cho châu Phi, nhiều hơn 274 triệu đô la Mỹ so với thập niên 1970, số lượng các nước châu Phi nhận viện trợ của Trung Quốc tăng từ 33 nước trong thập niên 1970 lên tới 46 nước trong thập niên 80⁽⁵⁾. Từ năm 2004 đến nay, hàng năm Trung Quốc đều tổ chức Diễn đàn Trung Quốc- châu Phi với sự tham gia của nguyên thủ 49 nước châu Phi. Thông qua Diễn đàn này, các quan hệ hợp tác kinh tế hai bên, các cam kết đầu tư được thực hiện đều đặn với số lượng lớn.

Trong chính trị quốc tế, viện trợ nước ngoài là một công cụ ngoại giao kinh tế trọng yếu. Thông thường, có bốn động cơ chủ yếu để một quốc gia viện trợ cho nước ngoài: Động cơ phát triển kinh tế, động cơ chủ nghĩa nhân đạo, động cơ thương mại và

động cơ chính trị. Trong hiện thực và trong hệ thống lý luận quan hệ quốc tế, viện trợ cho nước ngoài có địa vị và tác dụng độc đáo. Một mặt, nó cùng với đầu tư và thương mại cấu thành nên ba lĩnh vực lớn của quan hệ kinh tế quốc tế, mặt khác, viện trợ nước ngoài vừa không phải là hiện tượng kinh tế quốc tế đơn thuần, cũng không phải là hiện tượng chính trị quốc tế đơn thuần, mà là một loại hiện tượng chính trị kinh tế quốc tế điển hình. Dù trong thời kỳ chiến tranh lạnh, viện trợ kinh tế đối ngoại không thuộc chính trị cấp cao. Nhà chủ nghĩa hiện thực Mỹ Morgenthau cho rằng, viện trợ đối ngoại dưới bất kỳ hình thức nào về bản chất đều mang tính chính trị, mục đích chủ yếu đều là thúc tiến và bảo hộ lợi ích quốc gia⁽⁶⁾.

Thông qua ngoại giao kinh tế cải thiện hình ảnh và địa vị quốc tế

Địa vị quốc tế tượng trưng cho tư thế và tầm ảnh hưởng của một quốc gia trên vũ đài quốc tế, nó là mục tiêu mà bất cứ nước lớn nào trên thế giới đều chú trọng theo đuổi. Ví dụ như Mỹ tận dụng địa vị ưu thế trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, quân sự... thi hành ngoại giao bá quyền trên thế giới, với mong muốn trở thành nước lớn siêu cấp duy nhất trên toàn cầu. Theo quan điểm của Trung Quốc, Nhật Bản cũng không an phận với vị thế một cường quốc kinh tế, mà đang theo đuổi địa vị cường quốc về chính trị. Nước Đức cũng luôn nỗ lực để trở thành nước thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nước Nga ngay cả khi chìm trong khó khăn trong nước cũng như ngoài nước, vẫn coi việc chấn hưng và khôi phục địa vị của một đại quốc là mục tiêu chiến lược chủ yếu. Ấn Độ theo đà tăng trưởng ổn định của tổng lực quốc gia, đã vội vã gia nhập hàng ngũ các nước lớn trong khu vực

châu Á - Thái Bình Dương. Có thể thấy, theo đuổi địa vị quốc tế là nội dung trọng yếu trong chiến lược an ninh quốc gia của các nước lớn. Trung Quốc với tư cách là một trong năm nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cũng không phải ngoại lệ, ngoại giao kinh tế cũng như các công cụ khác, đang phát huy tác dụng quan trọng trong việc nâng cao địa vị quốc tế của Trung Quốc.

Ở thời kỳ đầu cải cách, Đặng Tiểu Bình có nhận thức rõ ràng về quốc lực của Trung Quốc, và ông luôn nỗ lực để nâng cao quốc lực của Trung Quốc. Ông quan niệm rằng Trung Quốc là một nước vừa lớn vừa nhỏ, lớn bởi dân số đông, diện tích đất đai rộng lớn, nhỏ bởi Trung Quốc vẫn là một nước đang phát triển, còn tương đối nghèo. GDP bình quân trước cải cách chưa tới 200 đô la Mỹ. Mức độ phát triển của kinh tế Trung Quốc vẫn còn thấp, chưa tương xứng với địa vị một nước lớn dân đông như hiện nay⁽⁷⁾. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, tác dụng của nhân tố kinh tế không ngừng được tăng cường, cạnh tranh tổng lực quốc gia trên nền tảng công nghệ và thực lực kinh tế ngày càng trở thành nhân tố chủ đạo quyết định địa vị quốc tế của một quốc gia. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đã làm tăng tỷ trọng của kinh tế Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới, Trung Quốc càng có khả năng chi trả cho viện trợ nước ngoài, cũng càng có khả năng phát huy tác dụng của ngoại giao kinh tế.

Chính phủ Trung Quốc không chỉ thông qua con đường ngoại giao để thúc tiến hợp tác kinh tế quốc tế khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế, hơn nữa, trong phạm vi khả năng của mình Trung Quốc đã thông qua hành động thực tế, ủng hộ tài chính cho các nước liên quan, giúp họ thoát ra khỏi những khó khăn, khủng hoảng kinh tế. Một ví dụ

diễn hình là, năm 1997, khi Mỹ cũng như các nước phương Tây khoanh tay đứng nhìn Thái Lan chìm trong khủng hoảng kinh tế, Chính phủ Trung Quốc đã xuất 1 tỷ USD Mỹ viện trợ cho Thái Lan, đó là lần đầu tiên trong lịch sử nước Trung Quốc mới xảy ra trường hợp viện trợ nước ngoài trên quy mô lớn như vậy. Sau đó, khủng hoảng kinh tế còn lan rộng ra các nước Đông Nam Á, trong đó, Indonesia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, nền kinh tế quốc dân của nước này đứng trên bờ vực sụp đổ, cần gấp viện trợ từ cộng đồng quốc tế. Ngày 8-9-1997, tại Jakarta, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Stanley khi trả lời phỏng vấn báo chí đã cho biết: “Chúng tôi vẫn đang theo dõi gắt gao, và tiến hành đối thoại với các cơ cấu tài chính quốc tế. Nếu sau đó buộc phải áp dụng một hành động nào đó, chúng tôi sẽ hạ quyết tâm. Nhưng trước mắt điều đó vẫn chưa cần thiết”⁽⁸⁾. Thái độ của Chính phủ Trung Quốc lại hoàn toàn khác với thái độ của Chính phủ Mỹ, cho rằng viện trợ khẩn cấp cho Indonesia là vô cùng cần thiết vào thời điểm đó, cũng là một đại sự, giúp ổn định kinh tế Indonesia cũng như kinh tế toàn Đông Nam Á. Vậy là Chính phủ Trung Quốc cam kết sẽ cung cấp viện trợ trị giá 1 tỷ USD Mỹ cho Indonesia. Viện trợ kinh tế của Trung Quốc dành cho các nước trong khủng hoảng không chỉ thể hiện ở động thái cung cấp vốn vay, mà còn nằm ở cam kết giữ vững không để đồng Nhân dân tệ mất giá. Tháng 10 năm 1997, tại các nước Đông Nam Á xuất hiện một vòng sụt giá tiền tệ mới, mang tính cạnh tranh, làm nghiêm trọng thêm mức độ khủng hoảng kinh tế châu Á. Chính phủ của nhiều quốc gia châu Á trở nên bất an, họ e ngại điều này sẽ đổ thêm dầu vào lửa cho nền

kinh tế đang trong khó khăn của mình, hơn thế nữa, họ còn e ngại đồng Nhân dân tệ sẽ rớt giá với biên độ lớn, gây ra chiến tranh tiền tệ trên quy mô lớn, làm nghiêm trọng hơn nữa biến động tài chính khu vực, thậm chí trên phạm vi rộng hơn nữa. Ngày 16-12-1997, trong cuộc hội kiến không chính thức Trung Quốc- ASEAN, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã đảm bảo không để cho đồng Nhân dân tệ mất giá, hy vọng qua đó hỗ trợ vào việc ổn định tiền tệ ở khu vực Đông Nam Á, và đã được các nước đánh giá cao. Ngày 31-01-1998, trong bài phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế thế giới diễn ra tại Thụy Sĩ, Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Lam Thanh đã cam kết Trung Quốc sẽ không “đổ thêm dầu vào lửa”, không chịu khuất phục bởi áp lực mất giá tiền tệ, kiên trì giữ giá đồng Nhân dân tệ, đã nhận được sự tán dương của báo chí nước ngoài. Tháng 5-1997, trong hội G8 tại Birmingham, Anh, cách làm của Trung Quốc cũng nhận được sự tán dương từ các phía. Lãnh đạo 8 cường quốc lớn nhất cho rằng, Trung Quốc với tư cách là một nước đông dân nhất trên thế giới, đã trở thành chủ lực trong việc duy trì ổn định trên toàn thế giới. Thủ tướng Anh Blair nói, lãnh đạo các nước đánh giá cao độ công tác mà Trung Quốc đã thực hiện, đồng thời đã bày tỏ sự tán dương. Tổng thống Pháp Chirac cho rằng, do thái độ trách nhiệm và hợp tác cao độ của Trung Quốc, khủng hoảng tài chính châu Á mới không tiếp tục lan rộng, “nếu như không phải Trung Quốc quyết định giữ vững tỉ giá, chủ động đứng ra gánh vác mọi chế ước nghiêm trọng về kinh tế và xã hội do quyết định này gây ra, thì khủng hoảng tài chính châu Á sẽ trở thành tai họa trên phạm vi toàn cầu”⁽⁹⁾.

Thông qua ngoại giao kinh tế đảm bảo an ninh lãnh thổ quốc gia

Trung Quốc là quốc gia có nhiều nước láng giềng nhất trên thế giới, lợi ích quốc gia của Trung Quốc chủ yếu tập trung tại những khu vực xung quanh. Về mặt kinh tế, 56% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc tập trung ở khu vực xung quanh, trong đó 53.8% nằm ở khu vực Đông Á⁽¹⁰⁾. Thông qua ngoại giao mang tính thực dụng hòa hợp, yên ổn với láng giềng, Trung Quốc đã nỗ lực thúc tiến thực hiện hợp tác kinh tế, an ninh, chính trị ở khu vực châu Á lên mức độ cao hơn nữa. Mở rộng tiến trình nhất thể hóa khu vực, thực hiện láng giềng hữu hảo tin tưởng lẫn nhau, phát triển hợp tác song phương, đa phương, thực hiện cùng nhau phát triển. Đây không chỉ là nhu cầu chiến lược phát triển xã hội và kinh tế của Trung Quốc trong thế kỷ mới, mà còn tương đối thích hợp với nhu cầu chiến lược trở dậy hòa bình của Trung Quốc, có thể giúp Trung Quốc thực hiện lợi ích một cách có hiệu quả. Trung Quốc có lãnh thổ rộng lớn, đường biên giới lục địa kéo dài 18 nghìn km, với 15 quốc gia láng giềng, đường bờ biển dài, đây là tài sản tự nhiên của Trung Quốc, khu vực xung quanh Trung Quốc cũng là điểm hội tụ của các nước lớn chủ yếu trên thế giới, ổn định biên giới là đảm bảo trọng yếu để kiến thiết quốc nội, là điểm mấu chốt để giải quyết vấn đề dân tộc, cũng là nền tảng để bảo hộ lợi ích quốc gia. Ngoại giao kinh tế có thể bảo hộ lợi ích quốc gia một cách thiết thực, tránh xung đột quân sự, xây dựng hình tượng quốc gia hòa bình hữu hảo, củng cố an ninh biên giới, tăng cường hợp tác kinh tế khu vực, thực hiện hỗ trợ lợi thế, là lựa chọn bắt buộc trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Tài nguyên

dầu mỏ ở khu vực Trung Á và biển Caspi có ý nghĩa chiến lược lớn lao đối với Trung Quốc. Hợp tác giữa Trung Quốc với khu vực Trung Á đã có khởi sắc, điển hình nhất đầu tư vào công nghiệp dầu mỏ. Trung Quốc cần tiếp tục phát huy ưu thế địa lý, đẩy mạnh lực độ hợp tác với các quốc gia này, để xây dựng khu vực phòng tuyến an toàn, căn cứ cung ứng tài nguyên và kho dự trữ chiến lược. Ở Nam Á, hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và Ấn Độ đã gạt qua những bất đồng ngày càng phát triển, có lợi cho việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ, duy trì ổn định Tây Tạng của Trung Quốc một cách tương đối, đồng thời cũng tăng cường hợp tác với Pakistan. Đối với Trung Quốc, xử lý tốt quan hệ đồng minh, có lợi cho việc giảm bớt ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực, tránh đối kháng trực tiếp với Mỹ, có lợi cho việc giải quyết dứt điểm vấn đề Đài Loan. Sự bất tin nhiệm và đối địch do ý thức hình thái và chiến tranh lạnh gây nên đã từng bước nhường chỗ cho hợp tác, giao lưu trong khu vực và tin tưởng lẫn nhau. Giữa Trung Quốc và ASEAN, từ đầu thập niên 1990 đến nay, dưới sự tác động và kích thích của mô hình khu vực thương mại tự do liên minh châu Âu và Bắc Mỹ, nhất thể hóa kinh tế khu vực được đẩy nhanh tốc độ phát triển. Ngay từ năm 2001, tại hội nghị ASEAN+3 được tổ chức ở thủ đô Brunei, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã đề xuất 3 kiến nghị: (1) Xác định lĩnh vực hợp tác trọng yếu giữa Trung Quốc và Asean; (2) trong vòng 10 năm hoàn thành xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN; (3) tăng cường tin tưởng và ủng hộ chính trị tương hỗ⁽¹¹⁾.

Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN đi vào hoạt động từ năm 2010 đến nay, tuy là kinh tế, nhưng nhờ đó đã khiến

cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN chặt chẽ hơn nữa. Thông qua hợp tác kinh tế, thúc tiến sâu sắc hóa hợp tác toàn phương vị trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, văn hóa giữa hai bên. Đồng thời cũng có lợi cho Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề Đài Loan một cách hòa bình. Đài Loan tìm kiếm sự bảo hộ của Mỹ trên các mặt quân sự, chính trị, trên phương diện địa lý, ở phía Bắc nhờ vào Nhật Bản, Hàn Quốc, phía Nam nhờ vào Đông Nam Á để tranh thủ không gian sinh tồn và phát triển. Đặc biệt là kể từ cuối thập niên 1990, chính quyền vùng lãnh thổ Đài Loan dốc sức thúc đẩy tiến trình doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Đông Nam Á, với hy vọng qua đó giảm bớt sự dựa dẫm kinh tế vào đại lục, hình thành một hệ thống kinh tế đối ngoại độc lập với Trung Quốc đại lục, để mở đường cho Đài Loan độc lập. Sự thành lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN được cho sẽ làm ảnh hưởng sâu sắc tới tham vọng này của những thế lực đòi độc lập cho Đài Loan, thông qua khu vực mậu dịch tự do, khiến cho kinh tế Đài Loan tiến thêm một bước trong việc dung hợp với nền kinh tế của đại lục, hỗ trợ cho Trung Quốc xây dựng nền tảng kinh tế để tiến tới thống nhất một cách hòa bình. Giải quyết vấn đề Đài Loan từ phương diện kinh tế.

Tóm lại, vấn đề an ninh chính trị quốc gia liên quan đến sự sinh tồn và phát triển của quốc gia. Ngày nay, khi Trung Quốc đang tiến tới thực hiện xây dựng một xã hội hài hòa toàn diện, phát triển khoa học để hướng tới cuộc hồi sinh và sự phục hưng vị thế một thời của dân tộc Trung Hoa, thực hiện “giấc mơ Trung Quốc”, vấn đề an ninh chính trị vẫn không thể bị coi nhẹ, nó là đảm bảo căn bản để Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa. Trong thời đại toàn cầu hóa trở thành xu

thế phát triển không thể đảo ngược, khi mà vai trò của kinh tế trên vũ đài quốc tế ngày càng được nâng cao, vận dụng công cụ ngoại giao kinh tế một cách hiệu quả, phát huy công năng chính trị của nó, sẽ giúp đảm bảo an ninh chính trị của Trung Quốc. Hy vọng Trung Quốc cũng sẽ phát huy trách nhiệm của một nước lớn đối với hòa bình, ổn định và phát triển của thế giới và khu vực.

CHÚ THÍCH:

- (1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2008, tr 12.
- (2) Hoàng Thạch Phong: *Lý giải nguồn gốc và động lực chấn hưng đất nước*, Tạp chí Cải cách Trung Quốc (tiếng Trung), số 02-2011, tr 78.
- (3) Dương Nghị (chủ biên): *Ý tưởng chiến lược an ninh quốc gia Trung Quốc*, Nxb Thời sự (tiếng Trung), Bắc Kinh, 2008, tr 355.
- (4) Hạ Lập Bình: *An ninh quốc gia và địa vị chính trị*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc (tiếng Trung), Bắc Kinh, Trung Quốc, 2013, tr 126.
- (5) Lưu Cẩm Minh, Đinh An Bình, Hoàng Trí Hồ... (chủ biên): *Các vụ án ngoại giao kinh tế*, Nxb Nhân dân Liêu Ninh (tiếng Trung), Liêu Ninh, Trung Quốc, 2010, tr 336.
- (6) Han J Morgenthau: *Politics among Nations: The struggle for Power and Peace*, New York NY: Alfred A Knopf, p 257.
- (7) Dương Nghị (chủ biên): *Ý tưởng chiến lược an ninh quốc gia Trung Quốc*, Nxb Thời sự (tiếng Trung), Bắc Kinh, Trung Quốc, 2008, tr 299.
- (8) Báo Nhân dân, ngày 9-9-1997.
- (9) Lưu Cẩm Minh, Đinh An Bình, Hoàng Trí Hồ... (chủ biên): *Các vụ án ngoại giao kinh tế*, Nxb Nhân dân Liêu Ninh (tiếng Trung), Liêu Ninh, Trung Quốc, 2010, tr 431.
- (10) Hà Mậu Xuân (chủ biên): *Ngoại giao kinh tế*, Nxb Trí thức thế giới, Bắc Kinh, Trung Quốc, 2011, tr 429.
- (11) Lưu Cẩm Minh, Đinh An Bình, Hoàng Trí Hồ... (chủ biên): *Các vụ án ngoại giao kinh tế*, Nxb Nhân dân Liêu Ninh (tiếng Trung), Liêu Ninh, Trung Quốc, 2010, tr 452.